

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề).

Ngày thi: 25/04/2012

Đề thi có 4 trang, thí sinh làm bài vào phiếu trả lời (có phát kèm đề).

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Giám thị 1: Giám thị 2:

Mã số đề: 002

(Thí sinh nhớ ghi và tô đậm mã số đề, số báo danh vào phiếu trả lời)

I. Choose the option (A, B, C, or D) that best completes each sentence, substitutes the underlined part, or has a close meaning to the original one (0.25ms / each)

Câu 1: _____ he had taken several courses, he could speak English fluently.

- A. By the time B. While C. After D. Until

Câu 2: In the 19th century, women were often looked down _____ by men.

- A. upon B. from C. for D. with

Câu 3: Mai: "I'm sorry, it's late. I must go now." - Lan: " _____."

- A. It's my pleasure B. Good bye C. Hello D. Thank you

Câu 4: Choose the word whose main stress is different from the others:

- A. volunteer B. personality C. hesitation D. athletic

Câu 5: The younger you are, _____ it is to learn.

- A. easier B. the easier C. the more easy D. you are easier

Câu 6: Choose the word whose main stress is different from the others:

- A. extinct B. compete C. reply D. medal

Câu 7: Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others:

- A. wildlife B. swallow C. woman D. wrestling

Câu 8: I _____ her since last year.

- A. had not met B. have not met C. met D. meets

Câu 9: In Africa, about 20 percent of the farm work is done by men.

- A. one - fifth B. a - fifths C. one - five D. first - fifths

Câu 10: John told me about his new job, _____ very much.

- A. he enjoys B. he enjoys it C. that he enjoys D. which he enjoys

Câu 11: Margaret did not remember what I _____ her the day before.

- A. would tell B. had been told C. had told D. have been telling

Câu 12: In the past, people believed that women's ' roles were as mothers and wives.

- A. naturism B. natural C. naturally D. nature

Câu 13: - Lan: "I think married women should not go to work."

- John: " _____ . It's too boring to be housewives all their lives."

- A. That's right B. I don't agree. C. I quite agree. D. I'm afraid, I agree.

Câu 14: Linda: "Excuse me! Where's the post office?" - Maria: "

A. Don't worry B. Yes, I think so C. It's over there D. I'm afraid not

Câu 15: In water polo, no player except the goalkeeper can hold the ball with both hands.

A. attacker B. goalie C. midfielder D. defender

Câu 16: Governments have enacted laws to protect wildlife _____ commercial trade and overhunting.

A. with B. from C. for D. by

Câu 17: The letters "WWF" stands for _____ .

A. Wildlife World Fund B. World Wildlife Fund
C. World Wildly Fund D. Wild World Fund

Câu 18: Singapore and Vietnam had _____ who were awarded the Most Outstanding Athlete title in the swimming and shooting events.

A. participants B. participation C. participant D. participate

Câu 19: I understand the situation perfectly. You _____ explain further.

A. needn't B. must C. need D. mustn't

Câu 20: More and more women are now joining the paid labour force worldwide.

A. looking after B. looking up C. taking part in D. taking care of

Câu 21: This woman has dedicated her whole life to _____ others.

A. helps B. helped C. helping D. help

Câu 22: Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others:

A. appealeded B. described C. struggled D. replaced

Câu 23: _____ is the natural environment in which a plant or animal lives.

A. Habitat B. Conservation C. Extinction D. Biodiversity

II. Read the text below and choose the best option (A, B, C or D) to fill in each blank (0.25ms / each)

THE THREAT TO THE ENVIRONMENT

Nowadays, people are more aware that wildlife all over the world is in.... (24).... .Many species of animals are threatened, and could easily become (25) if we do not make an effort to protect them. There are many reasons for this. In some areas, animals (26) for their fur or for other valuable parts of their bodies. Some birds, such as parrots, are caught alive, and sold as pets. For many animals and birds, the problem is that their habitat-the place where they live — is disappearing. More land is used for farms, for houses or industry, and there are fewer open spaces than there once were. Farmers use powerful chemicals to help them grow better products, but these chemicals pollute the environment and harm wildlife.

The most successful animals on the earth — human beings- will soon be the only one left (27) we can solve this problem .

Câu 24: A. problems B. threat C. danger D. vanishing

Câu 25: A. vanished B. empty C. disappeared D. extinct

Câu 26: A. hunted B. are hunted C. are hunting D. hunt

Câu 27: A. unless B. or C. if D. when

III. Read the text below and choose the best option (A, B, C or D) (0.25ms / each)

The word "Olympic" comes from the name of the town Olympia in Greece, where the ancient Olympic Games were always held. The first Olympic Games were held in 776 B.C., and the Games took place every four years after that date until A.D.394..

In 1875, a French scholar and educator, Pierre de Coubertin, proposed that the Games should be revived as an international competition to encourage both sport and world peace. The first modern Olympic Games were held in Athens in 1896. Like the ancient Games, the athletes were men only. Women began to take part in the Games in 1900. Since that time, the Games have been held every four years as in the ancient Greece. The Games, however, did not take place in 1916, 1940 and 1944 because of the two World Wars.

Only amateur athletes are admitted to the Games, and these words appear at every Olympic opening: "The most important thing is not to win but to take part."

Câu 28: At the first modern Olympic Games, the athletes were

- A. men only
- B. women only
- C. both men and women
- D. most men and a few women

Câu 29: Who can take part in the Olympic Games?

- A. Professional athletes only
- B. Amateur athletes only
- C. All athletes
- D. All are correct

Câu 30: The last ancient Olympic Games were held in

- A. 776 B.C.
- B. A.D. 394
- C. 1875
- D. 1896

Câu 31: Which of the following is NOT true?

- A. The town Olympia was the place where the first Games were held.
- B. Pierre de Coubertin suggested reviving the Olympic Games.
- C. The modern Olympic Games have been held every four years in Athens.
- D. The purpose of The Olympic Games is to encourage not only sport but also world peace.

IV. Choose the option (A, B, C or D) that needs correcting (0.25ms / each)

Câu 32: When we will meet him tomorrow, we will remind him of that.

- A
- B
- C
- D

Câu 33: I need time to think about an offer you gave me.

- A
- B
- C
- D

Câu 34: The goalkeeper can also be eject for twenty seconds if he commits a major foul.

- A
- B
- C
- D

Câu 35: I wrote for Jones last week but she hasn't replied to my letter yet.

- A
- B
- C
- D

Câu 36: There were much money in their suitcases.

- A
- B
- C
- D

V. Choose the option (A, B, C or D) that is closest in meaning to the sentence(s) given (0.25ms / each)

Câu 37: "That girl's mother used to work with mine."

- A. That's the girl whose her mother used to work with mine.
- B. That's the girl whose mother used to work with mine.
- C. That's the girl the mother of whose used to work with mine.
- D. That's the girl her mother used to work with mine.

Câu 38: Mary didn't come, so we cancelled the meeting.

- A. If Mary had come, we wouldn't have cancelled the meeting.
- B. If Mary hadn't come, we wouldn't have cancelled the meeting.
- C. If Mary hadn't come, we would have cancelled the meeting.

D. If Mary had come, we wouldn't be cancelled the meeting.

Câu 39: The weather today is worse than it was yesterday, but better it will tomorrow.

A. The weather is getting better and better.

B. The weather is getting badder.

C. The weather is getting worse and worse.

D. The weather is getting gooder.

Câu 40: Kate is going to finish the last semester next month. Then she'll come back home.

A. Kate come back home after she has finished the last semester next month.

B. Kate will come back home after she will finish the last semester next month.

C. Kate comes back home after she will finish the last semester next month.

D. Kate will come back home after she has finished the last semester next month.

..... **HẾT**

ĐÁP ÁN GỢI Ý

STT	002	
1	C	Một hành động xảy ra hoàn thành trước một hành động khác trong quá khứ.
2	A	Look down upon/ on = tỏ vẻ coi thường
3	B	Đáp lại một lời mang hàm ý từ biệt hay một câu kết thúc cho đoạn hội thoại
4	D	Dùng luật nhấn âm: -ee; -ity; -tion; -ic
5	B	Dùng cấu trúc so sánh kép: càng... thì càng...; easy → easier vì tận cùng là -y
6	D	N nhấn âm 1, động từ nhấn âm 2; nhấn sau tiêu tố (ex-, com-, re-)
7	D	W là một bán nguyên âm (semi-vowel) nên không đọc trong một số từ như wrestling
8	B	Xem since
9	A	Số thập phân: số trên = số đếm; số dưới = số thứ tự; chỉ khi số > 1 thì stt +s
10	D	Which làm connector thay cho cả mệnh đề trước, thường đứng sau dấu phẩy (,)
11	C	Before → hành động ở hoàn thành được tường thuật lại (lùi thì)
12	B	Adj đứng trước N bổ nghĩa cho N đó
13	B	Trả lời cho câu nói đưa ra ý kiến
14	C	Hỏi về nơi chốn → overthere
15	B	Từ đồng nghĩa = goalie
16	B	Protect sb/sth from sb/sth: bảo vệ ai/cái gì khỏi ai/cái gì
17	B	WWF được viết tắt từ World Wildlife Fund = Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên
18	A	Nhìn vào chữ who were → chỉ người số nhiều → từ chỉ người số nhiều
19	A	Một nhu cầu không cần thiết
20	C	Từ đồng nghĩa = taking part in
21	C	Dedicate to Ving = cống hiến
22	D	Dùng luật đọc âm -ed
23	A	Dựa vào các từ <i>environment, a plant, animal lives</i>
24	C	Thành ngữ: in danger of
25	D	Become + adj → extinct, hợp với nghĩa của cả câu
26	B	Animals là vật, số nhiều, nên không tự săn bắn mà bị săn bắn → bị động
27	A	Dựa vào nghĩa trước thì unless là hợp nhất
28	A	Đọc dòng 3 đoạn 2
29	B	Đầu đoạn cuối (3)
30	B	Cuối đoạn 1, lưu ý chữ last trong câu hỏi và chữ until trong bài đọc
31	C	Mơ hồ chỗ in Athens, bởi cuộc thi mang tầm cỡ thế giới sẽ không chỉ diễn ra ở Greece
32	B	Mệnh đề when không đi với will
33	C	Sau nó là một mệnh đề quan hệ nên nó xác định → the offer
34	A	Câu bị động be + Vpp
35	B	Write to
36	A	Money không đếm được → was
37	B	Dùng đại từ quan hệ whose cho sở hữu
38	A	Ước cho quá khứ (didn't, cancelled) → dùng câu ĐK loại III
39	C	Hôm nay trời xấu. (cũng lưu ý đáp án A khi mà getting có chiều hướng tiếp diễn)
40	D	Sau after thì hoàn thành, trước nó là tương lai đơn

Giải thích đáp án: Huycomf